

**TRADITIONAL HIGHLANDS
CULTURAL EDUCATION
FOR STUDENTS IN ETHNIC
BOARDING HIGH SCHOOLS**

**GIÁO DỤC VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG
TÂY NGUYÊN CHO HỌC SINH
CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**

Le Quang Hung*, Hoang Thi Thuy, Nong
Van Ngoan, Nguyen Thi Thuy Tien and
Lai Thi Hong Linh

*Faculty of Education, Tay Nguyen University,
Buon Ma Thuot city, Vietnam*

*Corresponding author: Le Quang Hung,
e-mail: lqhung@ttn.edu.vn

Lê Quang Hùng*, Hoàng Thị Thúy, Nông
Văn Ngoan, Nguyễn Thị Thủy Tiên và
Lại Thị Hồng Lĩnh

*Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên,
thành phố Buôn Ma Thuột, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Lê Quang Hùng,
e-mail: lqhung@ttn.edu.vn

Received June 1, 2024.

Revised October, 2024.

Accepted November, 2024.

Ngày nhận bài: 1/6/2024.

Ngày sửa bài: 7/10/2024.

Ngày nhận đăng: 2/11/2024.

Abstract. The article discusses the results of the process of teaching and learning in the traditional culture of the Central Highlands for students at ethnic boarding high schools. Although teachers and students recognize the crucial role of educating the traditional culture of the Central Highlands, the education activities have not yet achieved high effectiveness. There is a significant discrepancy in evaluating the effectiveness of the educational process between students and teachers, which is due to the different assessment criteria. Additionally, we have made suggestions to improve the quality and effectiveness of educating students about the traditional culture of the Central Highlands at ethnic boarding high schools.

Keywords: traditional culture of the Central Highlands, ethnic boarding high school students.

Tóm tắt. Bài viết đề cập đến kết quả của quá trình dạy và học văn hoá truyền thống Tây Nguyên cho học sinh các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú. Mặc dù giáo viên và học sinh nhận thức được vai trò rất quan trọng của việc giáo dục văn hoá truyền thống Tây Nguyên, thế nhưng việc dạy và học chưa thật sự đạt hiệu quả cao. Có sự chênh lệch rất lớn về việc đánh giá hiệu quả của quá trình giáo dục giữa học sinh và giáo viên mà nguyên nhân do việc lựa chọn tiêu chí đánh giá khác nhau. Bên cạnh đó, chúng tôi đã đưa ra những đề xuất nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc giáo dục văn hoá truyền thống Tây Nguyên cho học sinh các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú.

Từ khóa: văn hoá truyền thống Tây Nguyên, học sinh trung học phổ thông dân tộc nội trú.

1. Mở đầu

Tây Nguyên được biết đến không chỉ với những nét đặc trưng về vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên mà còn được biết đến do có những nét văn hoá truyền thống rất riêng. Tây Nguyên là nơi sinh sống tập trung hơn 40 dân tộc thiểu số như: Êđê, Jrai, Ba Na, Mạ, M'Nông,... mỗi dân tộc đều có những nét đặc trưng về văn hoá truyền thống [1]. Trong những năm gần đây, hội nhập văn hoá, tôn giáo và phát triển kinh tế trọng điểm vùng đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống văn hoá

của các tộc người trên lãnh thổ Việt Nam nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng [2]. Văn hoá truyền thống (VHTT) là nét đẹp tinh hoa của dân tộc, là bản sắc độc đáo rất riêng của mỗi tộc người. Việc lưu giữ bảo tồn những giá trị VHTT mang ý nghĩa rất lớn đến việc tồn vong của một dân tộc [3; 285]. Nhận thức được vai trò rất quan trọng của VHTT, Đảng và Nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách nhằm “bảo tồn có chọn lọc” những giá trị VHTT của các dân tộc Thượng. Nhiệm vụ cơ bản là tập trung nguồn lực nhằm duy trì hoặc tái tạo một số yếu tố được xem là quan trọng nhất trong di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc vùng cao [4].

Nghiên cứu về văn hóa truyền thống, có thể kể đến một số công trình nghiên cứu và các tác giả tiêu biểu như: Trần Văn Bình (2006), *Đời sống văn hóa các DTTS trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa* [5]; Trần Văn Bình (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Nguyên, thực trạng và những vấn đề đặt ra* [6]; Trần Ngọc Bình (2008), *Văn hóa các dân tộc Việt Nam* [7]; Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyền (chủ biên) (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa* [7]; Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* [9]; Bé Việt Đăng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng và Vũ Đình Lợi (1982), *Đại cương về các dân tộc Êđê, M'ông ở Đắk Lắk* [10]; Ngô Văn Doanh, Trương Bi (2012), *Nghi lễ - Lễ hội của người Chăm và người Êđê* [12]; Linh Nga Niê Kdam (2013), *Nghệ Thủ Công Truyền Thống Của Các Dân Tộc Tây Nguyên* [12]; Vũ Ngọc Khánh (2006), *Truyền thống văn hóa các DTTS ở Việt Nam* [13]; Alfredo J. A., Janette K. K., William F. T. (2006), Representation of minority students in special education: Complicating traditional explanations, *Educational Researcher* [14]; Rosalie Giacchino Baker (2007), Educating Ethnic Minorities in Vietnam: Policies and Perspectives, *Kappa Delta Pi Record* [15]; Terry Lovat, Ron Tommey (2009), *Values Education and Quality Teaching –The Double Helix Effect* [16]. Những công trình và tác giả trên chỉ đề cập đến vấn đề văn hóa và văn hóa dân tộc nói chung, chưa có công trình nào chuyên sâu nghiên cứu về giáo dục VHTT Tây Nguyên cho học sinh các trường THPT dân tộc nội trú.

Từ thực tế có thể thấy, vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên hiện nay đang đi đúng hướng. Mà nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện việc giáo dục VHTT Tây Nguyên cho con em người DTTS đang thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về VHTT của đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên, mỗi công trình tiếp cận nghiên cứu VHTT của đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên với các góc độ khác nhau, nhưng chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về giáo dục VHTT Tây Nguyên cho học sinh các trường THPT dân tộc nội trú trong công cuộc đổi mới giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Đây luôn là một vấn đề có tính cấp thiết, có ý nghĩa lí luận và giá trị thực tiễn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm có liên quan đến vấn đề nghiên cứu

2.1.1. Văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

Văn hóa truyền thống là đề cập đến những giá trị tốt đẹp tương đối ổn định của ý thức về xã hội của dân tộc ấy, nó được lặp đi lặp lại trong suốt tiến trình hình thành và phát triển của các nền văn hóa tinh thần và vật chất và có giá trị đối với xã hội.

2.1.2. Giá trị văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

Giá trị văn hóa truyền thống Tây Nguyên được hiểu là những giá trị vật chất, tinh thần được lưu truyền, gìn giữ trong toàn bộ quá trình lịch sử phát triển các dân tộc ở Tây Nguyên. Những giá trị đó bao gồm: Văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, văn hóa lễ hội, văn học dân gian, văn hoá chữ viết, văn hoá ẩm thực, nhạc cụ dân tộc, nghề thủ công và trang phục truyền thống.

2.1.3. Giáo dục VHTT Tây Nguyên cho học sinh các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú

Giáo dục văn hóa truyền thống Tây Nguyên cho học sinh các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú là hoạt động giáo dục văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc ở Tây Nguyên bao gồm: không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, văn hóa lễ hội, văn học dân gian, văn hoá chữ viết, văn hoá ẩm thực, nhạc cụ dân tộc, nghề thủ công và trang phục truyền thống cho học sinh các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú với mục đích nhằm nâng cao nhận thức, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho các em.

2.2. Phương pháp và thiết kế công cụ nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

* *Mục đích khảo sát:* Thu thập các số liệu thực tế và khách quan về thực trạng giáo dục văn hoá truyền thống Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú.

* *Nội dung khảo sát:* Khảo sát thực trạng nhận thức về tầm quan trọng, nhận thức, thái độ, hành động và tần suất thực hiện các hoạt động giáo dục VH TT Tây Nguyên cho HS các trường trung học phổ thông DTNT.

* *Khách thể khảo sát:* chúng tôi khảo sát 102 GV có liên quan đến chương trình giáo dục VH TT Tây Nguyên cho HS các trường trung học phổ thông DTNT thuộc 5 sở GD - ĐT (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) và 900 HS các THPT dân tộc nội trú (khảo sát 9 trường PT với số lượng HS lần lượt là: Trường THPT dân tộc nội trú N'Trang Long (Đắk Lắk) 106 HS; Trường THPT dân tộc nội trú Tây Nguyên 186 HS; Trường THPT dân tộc nội trú Ea H'Leo 94 HS; Trường THPT dân tộc nội trú N'Trang Long (Đắk Nông) 124 HS; Trường THPT dân tộc nội trú Ayun Pa có 72 HS; Trường THPT dân tộc nội trú Gia Lai 82 HS; Trường THPT dân tộc nội trú Kon Tum 81 HS; Trường THPT dân tộc nội trú Sa Thầy 57 HS; Trường THPT dân tộc nội trú Lâm Đồng có 98 HS tham gia khảo sát).

* *Phương pháp và công cụ khảo sát:* Sử dụng phương pháp khảo sát điều tra bằng bảng hỏi, bài tập đo nghiệm, phỏng vấn và thống kê trong nghiên cứu GD.

2.2.2. Thiết kế nghiên cứu

* *Xây dựng công cụ:*

Việc giáo dục VH TT Tây Nguyên được thăm dò thông qua hai bình diện: dạy và học VH TT Tây Nguyên của GV và HS các trường THPT dân tộc nội trú. Chúng tôi đã thiết kế 2 bảng hỏi theo cấu trúc sau:



* *Độ tin cậy của thang đo:*

Chúng tôi đã xây dựng 02 phiếu khảo sát dành cho lần lượt 2 nhóm đối tượng là học sinh và giáo viên các trường THPT dân tộc nội trú đang giảng dạy trực tiếp hoặc lồng ghép VHHT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú. Thông qua quy trình phát mẫu, chạy độ tin cậy (Reliability Statistics) với hệ số Cronbach's Alpha lần lượt cho 2 phiếu khảo sát lần lượt là $\alpha_1 = 0,86$ và $\alpha_2 = 0,72$.

* *Đặc tính thành phần mẫu:*

Khách thể được chúng tôi khảo sát bao gồm 900 HS người dân tộc và 102 GV hiện đang giảng dạy và công tác tại các trường THPT dân tộc nội trú khu vực Tây Nguyên. Đặc tính về thành phần mẫu được mô tả trong Bảng 1.

Bảng 1. Bảng phân loại tổng thể về thành phần mẫu

Thành phần		Học sinh	Giáo viên
		Người (%)	Người (%)
Giới tính	Nam	571 (63,4)	18 (17,6)
	Nữ	329 (36,6)	84 (82,4)
Tỉnh	Đắk Lắk	386 (42,9)	42 (42,2)
	Gia Lai	154 (17,1)	21 (20,6)
	Komtum	137 (15,2)	15 (14,7)
	Đắk Nông	125 (13,9)	16 (15,7)
	Lâm Đồng	125 (10,9)	8 (7,8)
Tổng		900 (100)	102 (100)

2.3. Kết quả thực trạng về giáo dục văn hóa truyền thống Tây Nguyên cho học sinh các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú

2.3.1. Kết quả chung

* *Mức độ quan trọng của việc giáo dục văn hoá truyền thống Tây Nguyên*

Nhận thức về tính ý nghĩa của hoạt động có vai trò rất to lớn trong việc định hướng, điều khiển và điều chỉnh quá trình thực hiện. Tầm quan trọng của vấn đề giáo dục VHHT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú, được HS người DTTS và Giáo viên đang trực tiếp giảng dạy tại các cơ sở trường THPT dân tộc nội trú được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Tự đánh giá về mức độ quan trọng của vấn đề giáo dục VHHT cho HS

Nhóm	Học sinh		Giáo viên		Tổng số	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Không quan trọng	0	0	0	0	0	0
Ít quan trọng	9	1,0	0	0	9	1,1
Phân vân	45	5,0	1	1,0	46	4,5
Quan trọng	386	42,9	28	27,5	414	41,3
Rất quan trọng	460	51,1	73	71,6	533	53,1
Tổng số	900	100	102	100	1002	100

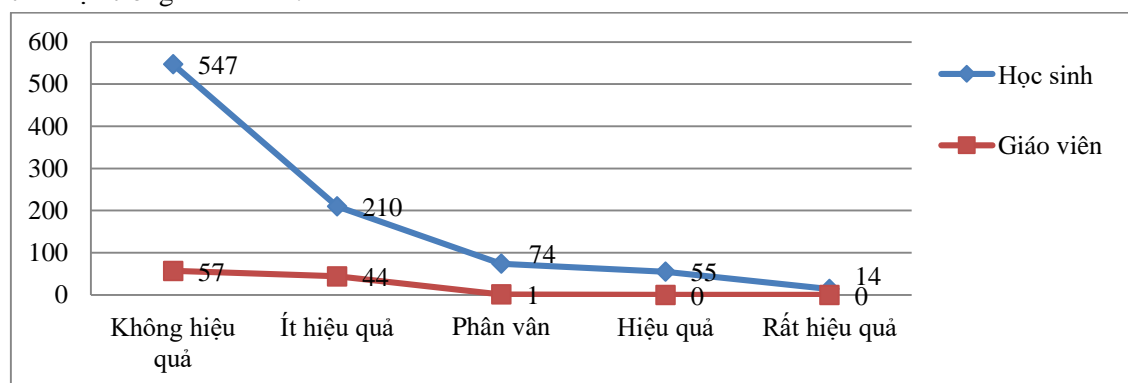
Xét trên tổng số HS và GV, có 53,1% (533) người tham gia đánh giá việc giáo dục VHHT Tây Nguyên cho HS ở mức “*Rất quan trọng*”; Ở mức “*Quan trọng*”, có 414 (41,3%) số người lựa chọn; Chỉ có 9 người (1,1%) đánh giá ở mức “*Ít quan trọng*”; Không một ai đánh giá ở mức “*Không quan trọng*”; Bên cạnh đó, có 46 người (chiếm 4,5%) cảm thấy “*Phân vân*” khi lựa chọn

vai trò của việc giáo dục VHTT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú. Như vậy, có đến 947/1002 người tham gia (chiếm 94,4%) cho rằng việc giáo dục VHTT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú có vai trò *Quan trọng* và *Rất quan trọng*.

Tóm lại, mức độ quan trọng về việc giáo dục VHTT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú được HS và GV tham gia khảo sát đánh giá phần lớn ở mức quan trọng và rất quan trọng. Hầu hết người tham gia đều nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu. Đây là một lợi thế cho chúng tôi trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

* *Hiệu quả của việc giáo dục VHTT Tây Nguyên cho học các trường THPT dân tộc nội trú*

Mức độ hiệu quả được HS và GV đánh giá thông qua thang đo Likert 5 mức độ bao gồm: “*Không hiệu quả*”, “*Ít hiệu quả*”, “*Phân vân*”, “*Hiệu quả*”, “*Rất hiệu quả*”. Kết quả thống kê được thể hiện trong Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Đánh giá về hiệu quả của HS và GV

Xét trên tổng số HS tham gia, có 547 người tham gia (54,5%) đánh giá vấn đề ở mức “*Không hiệu quả*”; Có 210 người (chiếm 20,9%) trên tổng số người tham gia cho việc giáo dục VHTT Tây Nguyên là “*Ít hiệu quả*”; Có 75 người (chiếm 7,4%) người tham gia “*Phân vân*” khi đánh giá về hiệu quả của việc giáo dục VHTT Tây Nguyên. Ở phương diện tích cực, có 99 người tham gia (tương ứng 9,8%) đánh giá ở mức “*Hiệu quả*”; Còn lại 71 người (chiếm 7,4%) đánh giá là “*Rất hiệu quả*”.

Số GV tham gia khảo sát phần đông đánh giá mức độ hiệu quả của quá trình giáo dục VHTT Tây Nguyên diễn ra ở mức “*Không hiệu quả*” và “*Ít hiệu quả*”. Cụ thể, có 55,9% (tương ứng 57) giáo viên đánh giá ở mức “*Không hiệu quả*”; Có 43,1% (tương ứng 44) giáo viên đánh giá ở mức “*Ít hiệu quả*”; Không GV nào đánh giá quá trình giáo dục VHTT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú ở mức “*Hiệu quả*” và “*Rất hiệu quả*”.

Xét trên tổng số lượng người tham gia, có 604 người tham gia (60,3%) đánh giá vấn đề ở mức “*Không hiệu quả*”; Có 254 người (chiếm 25,3%) trên tổng số người tham gia cho việc giáo dục VHTT Tây Nguyên là “*Ít hiệu quả*”; Có 75 người (chiếm 7,4%) người tham gia “*Phân vân*” khi đánh giá về hiệu quả của việc giáo dục VHTT Tây Nguyên. Ở phương diện tích cực, có 55 người tham gia (tương ứng 5,5%) đánh giá ở mức “*Hiệu quả*”; Còn lại, chỉ có 14 người (chiếm 1,4%) đánh giá là “*Rất hiệu quả*”.

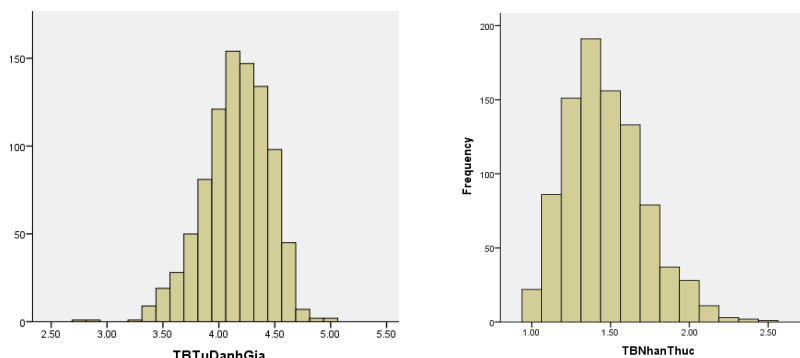
Nhìn chung, có sự tương đồng về đánh giá của HS và GV về hiệu quả của việc giáo dục VHTT Tây Nguyên hiện nay. Đa phần (85,6%) tổng số HS và GV đều đánh giá ở việc giáo dục VHTT Tây Nguyên là kém hiệu quả. Có 7,5 % người tham gia cảm thấy phân vân khi đánh giá hiệu quả của việc giáo dục VHTT Tây Nguyên. Chỉ có 6,9% người tham gia đánh giá hiệu quả tích cực.

2.3.2. Kết quả thực trạng biểu hiện qua hoạt động học

* *Biểu hiện thông qua nhận thức của HS về những nội dung VHTT Tây Nguyên*

Phần này được chúng tôi thăm dò bởi hai mục có kiểm chứng: *Tự bản thân HS đánh giá về mức độ hiểu biết của mình* và *Nhận thức của HS được đánh giá thông qua bài tập trắc nghiệm*.

Khi đối chiếu phân phối chuẩn giữa hai kết quả về ĐTB tự đánh giá và ĐTB của bài tập trắc nghiệm chúng tôi sử dụng biểu đồ phân phối thể hiện tần số của số bài đạt theo từng biểu điểm tương ứng trong Biểu đồ 2.



Biểu đồ 2. So sánh ĐTB tự đánh giá và ĐTB bài trắc nghiệm

Ở đây, chúng tôi nhận thấy có sự trái ngược giữa sự tự đánh giá và kết quả đánh giá thông qua bài tập trắc nghiệm. Hình dạng của biểu đồ phân ĐTB tự đánh giá lệch hẳn hoàn toàn về bên phải so với mốc 2,5. Trong khi đó, ĐTB nhận thức được đánh giá bởi bài tập trắc nghiệm thì lệch hết về bên trái. Vấn đề được đặt ra là nguyên nhân nào dẫn đến sự khác biệt lớn như vậy? Chúng tôi đặt hai giả định: thứ nhất là do bài tập quá khó với các em. Thứ hai, có sự ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố như tính tự hào dân tộc, cảm xúc, cái tôi cá nhân ảnh hưởng đến sự tự đánh giá.

Xét về phân phối phần trăm của phổ điểm, đa phần các nội dung kiểm tra các em đạt được nằm ở mức 1 điểm là 544 bài (60%). Ở mức 2 điểm có 35% (307) HS. Mức 3 điểm có 38 em chiếm 4%. Mức 4 điểm có 8 bài tương ứng 0,07%. Còn lại 0,03% số lượng học sinh đạt mức 5 điểm. Do tỉ lệ bài 1 điểm dàn trải phần lớn ở các nội dung nên kết luận phần lớn các học sinh chưa nắm bắt được các nội dung của văn hóa truyền thống Tây Nguyên.

Kết quả phỏng vấn về nguyên nhân của sự đánh giá lệch này, cụ thể: Thầy T.H.K đánh giá việc giáo dục VHHT Tây Nguyên đang ở mức “*Hiệu quả*” vì “*Ban giám hiệu nhà trường có nhiều cuộc họp đơn đốc giáo viên phải lồng ghép giáo dục VHHT Tây Nguyên vào nội dung các môn học*” Hoặc Cô N.T.T thì cho rằng “*Tôi và các GV dạy GDCD có tham khảo về việc lồng ghép VHHT Tây Nguyên vào nội dung bài học và thấy HS cũng tích cực tham gia hoạt động*”. Cô L.T.K.H giải thích: “*Do nguồn tài liệu chính thống cho chương trình giáo dục VHHT Tây Nguyên còn khan hiếm và nhà trường chưa có chính sách tách VHHT thành một môn học riêng mà chỉ cho phép lồng ghép hoặc tổ chức chuyên đề nên gây không ít khó khăn cho GV*”.

Ở khía cạnh đánh giá của HS, có đến 12 HS đánh giá dựa trên yếu tố “*Nhìn thấy HS có hứng thú tham gia lúc đầu nhưng về dần cuối thì cũng không còn ham thích nữa*” bạn H.K.P chia sẻ. Đặc biệt, J.T.Y cho rằng: “*Giáo viên còn chú trọng quá vào kiến thức VHHT Tây Nguyên mà chưa thật sự am hiểu sâu, chưa từng tham gia vào các lễ hội... nên để truyền đạt thì hơi khó*”. HS K.H.R cho rằng: “*Giáo dục VHHT Tây Nguyên phải gắn liền với truyền thống ấy*” nghĩa là phải có những minh chứng, am hiểu về tiếng dân tộc và có sự trải nghiệm về những giá trị ấy.

Tóm lại, kết quả nhận thức của HS các trường THPT dân tộc nội trú về VHHT Tây Nguyên được thể hiện thông qua việc tự đánh giá ở mức cao và thông qua bài tập đánh giá thì ở mức rất thấp. Có sự chênh lệch này là do sự ảnh hưởng của tính tự hào, cái tôi cá nhân về dân tộc, cảm xúc tích cực ảnh hưởng đến việc tự đánh giá này. Như vậy, việc lệch về nhận thức không đồng nghĩa với việc HS các trường THPT dân tộc nội trú không am hiểu về những nội dung VHHT Tây Nguyên mà chỉ phản ánh rằng: nếu có những phương pháp ghi nhớ thật tốt giúp các em trong vấn đề ghi nhớ thì việc nắm vững các nội dung của VHHT Tây Nguyên sẽ đạt hiệu quả cao.

* *Biểu hiện qua việc HS thực hiện các hoạt động giáo dục VHTT Tây Nguyên*

Biểu hiện của việc các em HS tham gia vào các hoạt động mang tính chất giáo dục VHTT Tây Nguyên. Chúng tôi thăm dò tần suất thực hiện 10 nội dung và thu thập được kết quả trong Bảng 3.

Bảng 3. Tần suất thực hiện các hoạt động giáo dục VHTT Tây Nguyên

Nội dung	ĐTB	Mức độ	Thứ hạng	Phần trăm đáp án lựa chọn				
				Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Tích cực tham gia HĐ lồng ghép mang tính chất giáo dục VHTT TN	1,56	Rất thấp	2	59,9	31,3	4,4	2,2	2,2
2. Chủ động tham gia HĐ ngoài giờ lên lớp liên quan đến việc GD VHTT TN	2,18	Thấp	1	40,9	28,2	10,2	13,1	7,6
3. Tham gia các buổi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ mang truyền thống	1,45	Rất thấp	5	61,8	31,4	6,3	0,4	0
4. Tham gia các hoạt động trải nghiệm VHTT Tây Nguyên	1,52	Rất thấp	3	61,2	30,1	5,3	2,1	1,2
5. Tham gia học tập VHTT Tây Nguyên tại buôn, làng, thôn, bản	1,45	Rất thấp	6	60,6	34,9	3,6	0,7	0,3
6. Tham gia các lễ hội VHTT Tây Nguyên do buôn làng tổ chức	1,43	Rất thấp	8	63,1	31,1	5,4	0,3	0
7. Tham gia các hội thi tìm hiểu về VHTT Tây Nguyên	1,41	Rất thấp	10	63,7	32,2	3,6	0,6	0
8. Tham gia giao lưu, tọa đàm với các nghệ nhân, già làng, trưởng bản về VHTT Tây Nguyên	1,48	Rất thấp	4	58,0	37,2	3,4	1,0	0,3
9. Chủ động, sáng tạo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ thực hành về VHTT TN	1,44	Rất thấp	7	60,6	35,0	30,9	00,6	00
10. Tích cực tuyên truyền, vận động người thân và những người khác trong cộng đồng tìm hiểu VHTT Tây Nguyên	1,40	Rất thấp	9	64,4	31,3	20,8	10,4	0

Dựa vào Bảng 3, ta thấy việc HS tham gia vào các hoạt động mang tính giáo dục VHTT Tây Nguyên đang ở mức “Thấp” đến “Rất thấp”. Tần suất tham gia các nội dung điều tra ở mức “Không bao giờ” và “Hiếm khi”.

Thông qua phỏng vấn, việc HS các trường THPT dân tộc nội trú ít tham gia các hoạt động lồng ghép giảng dạy VHTT Tây Nguyên là do bản thân các em không cảm thấy hứng thú qua các tiết giảng của GV đặc biệt đối với GV người Kinh mà không phải là người dân tộc. Đây là một cơ hội đồng thời là một thách thức lớn đối với người nghiên cứu.

Tóm lại, phần lớn HS các trường THPT dân tộc nội trú ít hứng thú tham gia các hoạt động giảng dạy lồng ghép những nội dung về VHTT Tây Nguyên. Sự tham gia chỉ mang tính chất miễn cưỡng, ép buộc vì điểm số mà chưa thật sự cuốn hút sự tự giác của các em. Hầu hết HS chỉ hứng thú với những hệ giá trị thực mà chỉ có sự trải nghiệm mới có thể thỏa mãn nhu cầu này.

2.3.3. Kết quả thực trạng biểu hiện qua hoạt động dạy

* *Biểu hiện thông qua việc chuẩn bị của GV trước mỗi bài dạy về VH TT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú*

Mức độ thực hiện chuẩn bị bài giảng được đo trên thang tần suất Likert 5 mức từ mức “Không bao giờ” đến “Rất thường xuyên”. Kết quả được thống kê trong Bảng 4.

Bảng 4. Tần suất thực hiện chuẩn bị bài giảng

Nội dung	ĐTB	Mức độ	Thứ hạng	Phần trăm đáp án lựa chọn				
				Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Xác định các VH TT Tây Nguyên phù hợp với mục tiêu bài học	4,86	Rất cao	1	0	1,0	1,0	8,8	89,2
2. Lựa chọn các nội dung các VH TT Tây Nguyên có thể lồng ghép	4,21	Cao	2	1,0	3,9	16,7	30,4	48,0
3. Tích hợp nội dung giáo dục VH TT Tây Nguyên vào bài giảng	3,63	Cao	3	0	4,9	46,1	30,4	18,6
4. Lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp với việc tích hợp nội dung giáo dục VH TT Tây Nguyên với môn học	3,59	Cao	4	16,7	9,8	10,8	23,5	39,2
5. Tạo điều kiện để học sinh được thực hành, trải nghiệm các VH TT Tây Nguyên	2,94	Trung bình	5	24,5	18,6	17,6	16,7	22,5

Dựa vào Bảng 4 ta thấy, các nội dung thăm dò có ĐTB trải dài trên 3 mức độ từ “Rất cao”, “Cao” đến “Trung bình”. Xét theo phần trăm đáp án lựa chọn, bốn nội dung thăm dò đầu tiên lệch hẳn về mức “Rất thường xuyên” và “Thường xuyên”. Đặc biệt, ở nội dung thứ nhất có đến 89,2% GV thực hiện ở mức “Rất thường xuyên”. Điều này chứng tỏ rằng GV có quan tâm đến các bước để lồng ghép VH TT Tây Nguyên vào bài giảng.

Như vậy, việc thực hiện lồng ghép VH TT Tây Nguyên để giảng dạy cho HS được GV thực hiện như một “*phương tiện*” để làm nổi bật nội dung chính của môn học chính. Giáo viên gặp phải những khó khăn nhất định khi tổ chức giảng dạy VH TT Tây Nguyên bằng hình thức tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp. Kết nối với kết quả với tần suất thực hiện các hoạt động của HS ở bảng 5. Chúng tôi nhận thấy rằng việc học sinh ít tham gia vào các hoạt động lồng ghép VH TT Tây Nguyên còn xuất phát nguyên nhân từ giáo viên. Việc giáo viên xác định yếu tố chính phụ trong nội dung bài học ảnh hưởng đến việc tâm thế tham gia của các em.

* *Biểu hiện thông qua các hình thức GV lựa chọn để giảng dạy VH TT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú*

Các hình thức GV có thể lựa chọn để giảng dạy VH TT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú được thăm dò thông qua 10 nội dung. Kết quả thăm dò cho thấy, GV giảng dạy chủ yếu thông qua hình thức “*Lồng ghép các nội dung VH TT Tây Nguyên qua các môn học*” (ĐTB là 4,04; Hạng 1), “*Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp*” (ĐTB là 1,91; Hạng 2), và “*Tổ chức hoạt động thi đua tìm hiểu về VH TT Tây Nguyên*” (ĐTB là 1,90; Hạng 3). Các nội dung còn lại đều ở mức “Rất thấp”.

Khi được hỏi về nguyên nhân của việc hạn chế sử dụng các hình thức dạy học VH TT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú, Thầy T.T.A cho biết nguyên nhân chủ yếu là do các em đang theo học hình thức “*nội trú*”. Mọi hoạt động tương tác với các em phải thông qua sự đồng ý của “*phụ huynh - Ban giám hiệu - GV quản lớp*”. Để được sự đồng thuận không phải

là vấn đề giản đơn. Đa số GV “quan ngại” về vấn đề liên quan đến “sự an toàn” cho các em, “hiệu quả” của hoạt động và “kinh phí” tổ chức.

Bảng 5. Tần suất lựa chọn các hình thức giảng dạy VHTT Tây Nguyên

Nội dung	ĐTB	Mức độ	Thứ hạng	Phần trăm đáp án lựa chọn				
				Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Lồng ghép các nội dung VHTT Tây Nguyên qua các môn học	4,04	Cao	1	10,8	4,9	4,9	28,4	51,0
2. Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp	1,91	Thấp	2	36,3	44,1	14,7	2,9	2,0
3. Tổ chức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ	1,40	Rất thấp	8	69,6	21,6	7,8	1,0	0
4. Tổ chức hoạt động thi đua tìm hiểu về VHTT Tây Nguyên	1,90	Thấp	3	36,3	44,1	14,7	2,9	2,0
5. Tổ chức tham quan, học tập VHTT Tây Nguyên tại Buôn làng, thôn, bản	1,54	Rất thấp	5	53,9	39,2	5,9	1,0	0
6. Tổ chức trải nghiệm các VHTT TN theo chủ đề dưới hình thức câu lạc bộ	1,39	Rất thấp	9	67,6	26,5	4,9	1,0	0
7. Tổ chức lễ hội VHTT Tây Nguyên	1,42	Rất thấp	7	62,7	32,4	4,9	0	0
8. Tổ chức giao lưu, tọa đàm với các nghệ nhân, già làng	1,61	Rất thấp	4	52,0	39,2	5,9	2,0	1,0
9. Điều tra, sưu tầm các VHTT Tây Nguyên	1,47	Rất thấp	6	58,8	5,3	0,9	0	0
10. Khuyến khích hoạt động tự giáo dục	1,07	Rất thấp	10	93,1	0,9	00	0	0

Tóm lại, GV thường sử dụng việc giáo dục VHTT Tây Nguyên như một “yếu tố phụ” để làm sáng tỏ hoặc phong phú thêm bài học trong hình thức lồng ghép. Đối với việc tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp, việc khai thác các chủ điểm về VHTT Tây Nguyên chưa thật sự thu hút học sinh. Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS còn khá hạn chế vì những quan ngại của GV về sự an toàn, sự đồng thuận và tài chính.

* *Biểu hiện thông qua các phương pháp GV lựa chọn để giảng dạy VHTT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú*

Dựa vào Bảng 6, các phương pháp được GV lựa chọn cho việc giáo dục VHTT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú nhiều nhất ở “Thuyết trình” có ĐTB là 3,96 (mức Cao). Xếp hạng thứ hai là “Thuyết giảng” có ĐTB là 1,93 (mức Thấp). Tiếp đến hạng thứ ba là “Xây dựng bài tập tình huống” có ĐTB là 1,92 (mức Thấp). Các nội dung còn lại đều ở mức Rất thấp.

Nhìn chung, phương pháp giảng dạy được GV lựa chọn một cách khá hạn chế. Đa phần GV chọn phương pháp thuyết giảng, thuyết trình và cho bài tập tình huống. Các phương pháp khác ít được lựa chọn bởi vì ảnh hưởng của yếu tố thời gian và nội dung chính yếu của bài học. Như vậy,

để việc giáo dục VH TT Tây Nguyên có hiệu quả cần phải tách riêng việc giáo dục VH TT Tây Nguyên thành một môn học chính hoặc hoạt động ngoại khóa có khung giờ riêng.

Bảng 6. Tần suất lựa chọn các phương pháp giảng dạy VH TT Tây Nguyên

Nội dung	ĐTB	Mức độ	Thứ hạng	Phần trăm đáp án lựa chọn				
				Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Thuyết trình	3,69	Cao	1	1,0	2,0	42,2	37,3	17,6
2. Thuyết giảng	1,93	Thấp	2	32,4	49,0	13,7	2,9	2,0
3. Thảo luận nhóm	1,57	Rất thấp	4	50,0	44,1	4,9	1,0	0
4. Kể chuyện	1,39	Rất thấp	7	67,6	26,5	4,9	1,0	0
5. Thiết kế trò chơi	1,30	Rất thấp	9	78,8	19,2	1,0	1,0	0
6. Nêu và giải quyết vấn đề	1,29	Rất thấp	10	75,5	20,6	2,9	1,0	0
7. Xây dựng bài tập tình huống	1,92	Thấp	3	32,4	49,0	13,7	2,9	2,0
8. Nêu gương	1,56	Rất thấp	5	50,0	44,1	4,9	1,0	0
9. Biểu diễn nghệ thuật	1,38	Rất thấp	8	67,6	26,5	4,9	1,0	0
10. Hoạt động trải nghiệm	1,42	Rất thấp	6	62,7	32,4	4,9	0	0

Dựa vào Bảng 6, các phương pháp được GV lựa chọn cho việc giáo dục VH TT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú nhiều nhất ở “Thuyết trình” có ĐTB là 3,96 (mức Cao). Xếp hạng thứ hai là “Thuyết giảng” có ĐTB là 1,93 (mức Thấp). Tiếp đến hạng thứ ba là “Xây dựng bài tập tình huống” có ĐTB là 1,92 (mức Thấp). Các nội dung còn lại đều ở mức Rất thấp.

Nhìn chung, phương pháp giảng dạy được GV lựa chọn một cách khá hạn chế. Đa phần GV chọn phương pháp thuyết giảng, thuyết trình và cho bài tập tình huống. Các phương pháp khác ít được lựa chọn bởi vì ảnh hưởng của yếu tố thời gian và nội dung chính yếu của bài học. Như vậy, để việc giáo dục VH TT Tây Nguyên có hiệu quả cần phải tách riêng việc giáo dục VH TT Tây Nguyên thành một môn học chính hoặc hoạt động ngoại khóa có khung giờ riêng.

3. Kết luận

Hầu hết HS và GV đều nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục VH TT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú. Thế nhưng, hiệu quả thật sự của quá trình giáo dục VH TT Tây Nguyên được HS đánh giá ở mức “Không hiệu quả” đến “Ít hiệu quả”. Còn đối với GV đánh giá việc giáo dục tập trung ở mức “Hiệu quả” đến “Rất hiệu quả”. Sở dĩ có sự đánh giá lệch này là do các tiêu chí đánh giá của mỗi nhóm đối tượng là khác nhau.

Ở hoạt động học, nhận thức của HS về nội dung của VH TT Tây Nguyên đều chỉ đạt ở mức “Rất thấp”. Phần lớn các HS tham gia vào các hoạt động giáo dục VH TT Tây Nguyên ở mức “Thấp” đến “Rất thấp”. HS ít cảm thấy hứng thú với các hoạt động giảng dạy hoặc lồng ghép các nội dung VH TT Tây Nguyên đặc biệt là với GV không phải là người dân tộc.

Trên bình diện hoạt động dạy, việc chuẩn bị bài giảng chủ yếu chỉ tập trung ở việc xác định nội dung, lựa chọn giá trị, tích hợp và lựa chọn phương pháp. GV ít tạo điều kiện để HS được thực hành trải nghiệm VH TT Tây Nguyên. GV chỉ tổ chức giảng dạy VH TT Tây Nguyên với hình thức lồng ghép để làm nổi bật nội dung chính của bài học hoặc tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp mà ít khi tổ chức cho các em học tập với các hình thức khác. Về phương pháp giảng dạy, GV chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng, thuyết trình là chủ yếu. Do các phương pháp khác ít được triển khai nên việc HS cảm thấy ít hứng thú khi học về VH TT Tây Nguyên.

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và kết quả khảo sát, phân tích thực trạng về giáo dục VH TT Tây Nguyên cho HS các trường THPT dân tộc nội trú, chúng tôi có một số đề xuất như sau:

- *Đối với học sinh các trường THPT dân tộc nội trú:* Học sinh nên thể hiện tính tích cực và chủ động trong quá trình tham gia học tập về giá trị VH TT Tây Nguyên quý báu của ông cha đã cất công gìn giữ. Không nên chỉ nhìn vào hình thức bề ngoài mà cần phải hiểu rõ những giá trị bên trong. Đặc biệt, HS nên chủ động ghi nhớ các giá trị mà không nên ỉ lại vào Internet. Hãy để những truyền thống luôn ở trong tim của mỗi người con của dân tộc.

- *Đối với giáo viên:* Việc giáo dục VH TT Tây Nguyên mang ý nghĩa chiến lược rất quan trọng, thế nên GV cần định vị lại việc xác định hình thức giảng dạy. VH TT Tây Nguyên nên được xem là một nội dung chính thức để giảng dạy hơn là một nội dung phụ làm nổi bật nội dung bài học khác. Nên xem xét lại việc trải nghiệm của GV đối với việc giảng dạy VH TT Tây Nguyên. Tránh lý thuyết suông, hình thức thuyết giảng nhàm chán không gây hứng thú cho HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng, (1998). Bảo tồn có chọn lọc, cải tiến, đổi mới những phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc, Chỉ thị 27-CT/TW ngày 21/1/1998.
- [2] ĐH Giang, (2015b). Từ không gian văn hóa đến không gian văn hóa tộc người. *Tạp chí Văn hóa học*, 19(1), 17-23.
- [3] ĐV Thiện, NT Minh & HT Long, (2010). *Tây Nguyên vùng đất - con người*. NXB Quân đội Nhân dân.
- [4] Oscar Saleminck, (2003). *The ethnography of Vietnam's central highlanders: a historical contextualization, (1850 – 1900)*. University of Hawai'i Press, Hawai'i.
- [5] TV Bính, (2006). *Đời sống văn hóa các DTTS trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. NXB Chính trị, Hà Nội.
- [6] TV Bính, (2004). *Văn hóa các dân tộc Tây Nguyên, thực trạng và những vấn đề đặt ra*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [7] TN Bình, (2008). *Văn hóa các dân tộc Việt Nam*. NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [8] NT Chuẩn & NV Huyền (chủ biên), (2002). *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam, (1998). Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, 03-NQ/TW, Nghị quyết hội nghị lần thứ năm trung ương Đảng (khóa VIII).
- [10] BV Đăng, CT Sơn, VT Hồng & VĐ Đình Lợi, (1982). *Đại cương về các dân tộc Êđê, M'ông ở Đắk Lắk*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [11] NV Doanh, Trương Bi, (2012). *Nghi lễ - Lễ hội của người Chăm và người Êđê*. NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
- [12] LN Niê Kdam, (2013). *Nghề thủ công truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [13] VN Khánh, (2006). *Truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [14] Alfredo JA, Janette KK & William FT, (2006). Representation of minority students in special education: Complicating traditional explanations. *Educational Researcher*, 35(6), 3-28, <https://doi.org/10.3102/0013189X035006003>.
- [15] Rosalie GB, (2007). Educating Ethnic Minorities in Vietnam: Policies and Perspectives, *Kappa Delta Pi Record*, 43 (4), 168-173, DOI: 10.1080/00228958.2007.10516476.
- [16] Terry L & Ron T, (2009). *Values Education and Quality Teaching –The Double Helix Effect*. Springer Science Business Media, USA.